

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Lệ T**, sinh năm 1978. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Đoàn Văn D**, sinh năm 1977. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 27/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn D thành hôn vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn vào ngày 31/12/2002. Thời gian chung sống lúc đầu sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống do anh D thường xuyên ghen tuông, nghi kỵ chị. Vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay không hàn gắn được. Nay chị xét thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đoàn Văn D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày 12/4/2002 và Đoàn Minh L, sinh ngày 30/10/2007. Hiện 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản (Biên bản hoà giải) ngày 25/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Văn D trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Anh xác định thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn, đôi khi anh có ghen tuông do chị T đi đám tiệc rồi ăn nhậu, có người khác bên ngoài, anh có khuyên ngăn nhưng chị T không nghe, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị T thì anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ vì còn thương vợ thương con. Về con chung nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn thì con chung anh đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Lệ T trình bày: Chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh D do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Con chung Đoàn Minh P đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Đoàn Minh L để anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn Văn D trình bày: Anh xác định vẫn còn thương vợ, xin được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Về con chung tên Đoàn Minh P đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Đoàn Minh L nếu Hội đồng xét xử giải quyết cho anh và chị T ly hôn thì anh đồng ý tiếp tục nuôi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Thị Lệ T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Đoàn Văn D cư trú tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Lệ T và anh Đoàn Văn D thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 570 vào ngày 31/11/2002 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh D thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi do anh D hay ghen tuông khi chị T đi đám tiệc rồi có uống rượu và có người khác bên ngoài, vợ chồng sống không hợp nhau, không còn tình cảm, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T cương quyết xin ly hôn với anh D. Anh D cũng xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử cũng hoà giải vận động giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày 12/4/2002 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, chị T và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét con chung tên Đoàn Minh L, sinh ngày 30/10/2007 hiện đang sống trực tiếp với anh D, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo, cháu Lợi có nguyện vọng sống chung với anh D. Tại biên bản hoà giải ngày 28/5/2025 cũng như tại phiên toà chị T và anh D thoả thuận nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung cháu Đoàn Minh L giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung Đoàn Minh L cho anh Đoàn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Lệ T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Lệ T và anh Đoàn Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Lệ T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Lệ T. Xử cho chị T ly hôn với anh Đoàn Văn D.

2. Về con chung:

Con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày 12/4/2002 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, chị T và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giao con chung tên Đoàn Minh L, sinh ngày 30/10/2007 cho anh Đoàn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Lệ T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Trần Thị Lệ T và anh Đoàn Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trần Thị Lệ T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0012073 ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 570 ngày 31/12/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thuý An